

SỰ KẾ THỪ VÀ PHÁT TRIỂN CỦA NHÃ NHẠC TRIỀU NGUYỄN

Vĩnh Phúc (Bùi Ngọc Phúc)

Vương triều nhà Nguyễn từ khi mới lập nghiệp ở phương Nam đã sớm biết sử dụng nghệ thuật âm nhạc để “di dưỡng tinh thần” và để biện chính cho sự nghiệp bá vương của mình trong thế đối lập với nhà Trịnh ở Đàng Ngoài. Ngay từ đời chúa Nguyễn Phúc Nguyên (1613 - 1635) Lộc Khê hầu Đào Duy Từ đã lập ra Hòa Thanh thự luyện tập một ban vũ và nhạc để múa hát vào những ngày khánh lễ. Hòa Thanh thự gồm 3 đội...Đội Nhất và đội Ba trông coi về nhạc, đội Nhì trông coi về ca và vũ.¹ Có nhiên, đây chưa phải là Nhã nhạc, nhưng đã tạo dựng nền tảng nghệ thuật chuyên nghiệp, làm tiền đề cho âm nhạc cung đình các vương triều sau.

Sang thế kỷ XIX, dưới các triều vua nhà Nguyễn, các loại hình nghệ thuật cung đình mới thực sự phát triển theo mô thức, quy phạm của Nhà nước Phong kiến. Ngay từ khi Gia Long lên ngôi (1802) mặc dù còn bận sắp đặt lại chính quyền trong nước, chỉnh đốn lại sinh hoạt cho nhân dân nhưng không vì thế mà ít quan tâm đến âm nhạc. Nhiều sử liệu cho biết vua Gia Long đã cho thành lập hai đội *Tiểu nam* và *Tiểu hầu* chuyên trông coi về nhạc và luyện tập múa hát trong cung. Năm Gia Long thứ ba, hai đội này được hợp nhất lại dưới tên *Việt tương đội*.

Thời Minh Mạng càng được phát triển quy mô hơn với Duyệt Thị Đường, nhà hát đầu tiên ở Việt Nam được xây dựng trong cung; Thanh Bình Thự, một cơ quan quản lý nghệ thuật và huấn luyện nghệ nhân ca, múa, nhạc cung đình được thành lập... Và chính Vua cũng đã tự tay viết câu đối nổi tiếng về âm nhạc - sân khấu treo trước Duyệt Thị Đường :

*“Âm nhạc tịnh trần, hòa kỳ tâm dĩ dưỡng kỳ chí
Nghien xuy tế hiển, thủ kỳ thị nhi giới kỳ phi”*

Có nghĩa là :

*“Tiếng nhạc trong trẻo vang lên, cho tâm hồn được hòa hợp, ý chí được di dưỡng,
Xấu tốt cùng trình diễn, cho lễ phải được giữ gìn, điều trái được né tránh”*

Sử liệu còn cho biết :*Vua đặt ra ban nhạc Ngũ hưởng cho ban nữ nhạc tấu khi tế các Miếu và tuyển thêm 50 nữ nhạc dưới quyền hai nữ quan điều khiển, đợi lúc tế dâng rượu thì múa nhạc,² và chính vua Minh Mạng đã bàn về vấn đề cất đặt lễ nhạc.³*



(Ban Nữ nhạc với 8 nhạc cụ Tam, Tỳ, Nhị, Nguyệt, sáo trúc và 2 nhạc cụ gõ, Ảnh chụp cuối thập niên 1920. nguồn: <http://nguyentl.free.fr>)

¹ Đỗ Bằng Đoàn, Đỗ Trọng Huề : **Những đại lễ và vũ khúc của vua chúa Việt Nam** .Nxb Hoa Lư, Sài Gòn, 1968, tr 442.

² Đỗ Bằng Đoàn, Đỗ Trọng Huề : Sdd, tr 442.

³ Quốc sử quán triều Nguyễn : **Đại Nam Thực Lục**, tập 9, tr. 183 - 184.(xem nội dung cụ thể ở mục Khái niệm nhã nhạc.)

Đây là giai đoạn cực thịnh của nghệ thuật cung đình triều Nguyễn. Những nghi thức, lễ lạc của một nhà nước phong kiến được bộc lộ đầy đủ nhất, đã chi phối toàn bộ sự phát triển của các loại hình nghệ thuật cung đình. Các tổ chức âm nhạc trong cung từ thời các chúa Nguyễn, đều được các đời chúa đời vua nhà Nguyễn sau này duy trì, kế thừa và phát triển này càng quy mô, hoàn chỉnh hơn. Chẳng hạn về sau, vua Thành Thái đổi thành Võ can đội, nhân viên có 120 người và 20 đồng ấu. Đến đời Khải Định tuyển thêm 30 đồng ấu nữa vào Võ can đội...

Nhạc lễ (cung đình) là một loại thể của Âm nhạc cung đình, bao gồm toàn bộ loại nhạc *nghi thức* và *tế lễ* của triều đình. Trong quá khứ, theo một số tư liệu rất ít ỏi còn lại, có lúc, đã được các sử gia phong kiến gọi chung là Nhã nhạc.

Tên gọi này rất biểu trưng. Chúng tôi cũng muốn căn cứ vào một vài chứng liệu lịch sử để gọi *phần lớn các loại nhạc nghi thức và tế lễ cung đình* là Nhã nhạc. Tuy vậy, sử liệu âm nhạc Việt Nam, dù rất hiếm hoi, nhưng cũng rất không nhất quán. Nhã nhạc, có thời là toàn bộ âm nhạc cung đình chính thống; là để phân biệt với *tục nhạc*; là bao gồm cả múa văn - võ; có thời, chỉ là *nhân thanh*. Có khi đồng nhất với Nhạc lễ, lại có khi chỉ là một bộ phận của Nhạc lễ; là tổ chức, biên chế của một dàn nhạc, mà biên chế đó cũng không hề nhất quán. Dưới triều Nguyễn, có lúc, Nhã nhạc như tương đồng, hoặc thay thế vai trò của dàn *Tiểu nhạc*, phân biệt rạch ròi với các loại dàn nhạc khác như *Đại nhạc, Nhạc huyền*... Nhưng gần đây và cả hiện nay, theo Gs Trần Văn Khê, cũng như một số nhà nghiên cứu, nghệ nhân khác (kể cả trong chương trình giảng dạy Nhã nhạc của trường Đại học Nghệ thuật Huế hiện tại), Nhã nhạc còn tồn tại ở cả hai loại: Tiểu nhạc và Đại nhạc v.v...



Do đặc điểm lịch sử các triều đại phong kiến Việt Nam, nên quá trình phát triển của âm nhạc cung đình nói chung, Nhã nhạc Việt Nam nói riêng khá phức tạp. Nhưng khó khăn lớn nhất, như ý kiến của Gs Tô Ngọc Thanh : “do thiếu tư liệu nên không thể nhìn sâu vào quá khứ hơn những gì đã tồn tại trong hơn một trăm năm của triều Nguyễn, đặc biệt là về âm nhạc”..., nhưng sau khi so sánh, đối chiếu giữa các nước có Nhã nhạc như Trung Hoa, Nhật Bản, Triều Tiên và Việt Nam, Gs đã có nhận xét : “Nhã nhạc *được hiểu như toàn bộ âm nhạc cung đình chính thống* của các triều đại phong kiến của cả bốn nước...*Chức năng chung của Nhã nhạc là loại nhạc lễ và nghi thức* (ritual and ceremonial music) của cung đình.”⁴

Chúng tôi cũng gặp trong Tự điển Hán Việt của Đào Duy Anh giải thích *Nhã nhạc là âm nhạc chính đáng*; Khâm Định Đại Nam Hội điển Sử lệ gọi Nhã nhạc là *chính nhạc, người xưa dùng để tế Giao*; Lê Quý Đôn chú thích chữ *Nhã có nghĩa là chính đính, những bài hát ở chốn triều đình*⁵ ...

Chúng ta đều biết, Nhạc lễ cung đình của Việt Nam, Nhật Bản, Triều Tiên đều bắt nguồn từ Trung Hoa, mà trong tên gọi cũng còn có sự liên quan ít nhiều : *YaYueh* (Trung Hoa), *Nhã nhạc* (Việt Nam), *Ahak* (Triều Tiên), *Gagaku* (Nhật Bản). Tuy vậy, mỗi nước đã tiếp thu ở Trung Hoa vào những thời kỳ khác nhau.

Nhật Bản tiếp thu từ Nhã nhạc nhà Đường ở Trung Hoa vào thế kỷ thứ VII, có sự kết hợp với âm nhạc của ba nước Triều Tiên cổ (Tam Hàn) cùng với âm nhạc Phật giáo Ấn Độ, đã dần dần Nhật Bản hoá và trở thành Nhã nhạc Nhật Bản, bao gồm trong 5 loại sau :

1. *Hoà nhạc* (nhạc Nhật bản chính thống, không pha tạp)
2. *Đường nhạc* (tiếp thu từ nhạc cung đình nhà Đường TQ)
3. *Kỹ nhạc* (tiếp thu từ TQ, kết hợp âm nhạc, múa và sân khấu)
4. *Cao ly nhạc* (tiếp thu từ Triều Tiên cổ)

⁴ Tô Ngọc Thanh : Tư liệu âm nhạc cung đình Việt Nam . Nxb Âm nhạc - Viện Âm nhạc 1999, tr. 36,37.

⁵ Lê Quý Đôn : Vân Đài Loại Ngữ. Nxb Văn Hóa Thông Tin, 1995, tập II, quyển 6, tr. 139.

5. *Lâm áp nhạc* (có nguồn gốc từ Âm nhạc Phật giáo Ấn Độ).⁶

Đối với Triều Tiên, khoảng thế kỷ thứ V đã có sự tiếp xúc, tiếp thu âm nhạc Trung Hoa...nhưng đến thế kỷ X trở đi, Nhã nhạc mới chính thức có mặt trong ba hệ thống âm nhạc chính thống của Triều Tiên như : *Hương nhạc* (âm nhạc truyền thống vốn có), *Đường nhạc* (tiếp thu âm nhạc nhà Đường Trung Hoa), *Nhã nhạc* (tiếp thu âm nhạc nhà Đường Trung Hoa).⁷

Ở Việt Nam, sử liệu cho biết tên gọi Nhã nhạc được du nhập vào dưới thời nhà Hồ. Theo Đại Việt sử ký toàn thư, năm Thiệu Thành thứ 2, (1402) có sự kiện Hồ Hán Thương tổ chức lễ Tế giao không thành. Nhà vua đã “*Đặt nhã nhạc, lấy con quan văn làm kinh vĩ lang, lấy con quan võ làm chính đồn lang, tập điệu múa văn, võ*”.⁸ Sử gia Ngô Thì Sĩ (1726 - 1780) đã bàn : “*Từ thời Trần trở về trước, lễ giao tế trời không thể cử hành được, có lẽ là lễ nhạc chế độ còn thiếu thốn nhiều đấy*”...⁹ Tuy nhiên, trong quyển An Nam chí lược của Lê Tắc, có cho chúng ta biết trong cung đình nhà Trần (1225 - 1400) đã có hai dàn nhạc : *Đại nhạc* và *Tiểu nhạc*. Đại nhạc gồm 5 nhạc cụ, trong đó có 2 nhạc cụ hơi thổi, 3 nhạc cụ gõ; Tiểu nhạc gồm 5 nhạc cụ dây và 3 nhạc cụ hơi thổi. Đại nhạc chỉ sử dụng trong cung đình, chỉ có vua, những người trong hoàng tộc và các quan đại thần mới được dùng trong các đại lễ của triều đình; Tiểu nhạc thì người giàu kẻ nghèo đều có quyền dùng.¹⁰

Như vậy, âm nhạc trong cung thời Trần đã có thể chế, cơ cấu nhất định của nhạc lễ cung đình. Hai dàn Đại nhạc, Tiểu nhạc chắc hẳn là bóng dáng của hình thức *Tọa tấu* (ngồi đánh nhạc trên đường) và *Lập tấu* (đứng tế nhạc dưới đường) của thể chế Nhã nhạc Trung Hoa mà về sau, dưới thời Lê Thái Tông (1434 - 1442) Lương Đăng đã phỏng theo nhạc lễ nhà Minh ở Trung Hoa mà đặt ra hai dàn nhạc là *Đường thượng chi nhạc* và *Đường hạ chi nhạc* ?

Vài dòng sử liệu sau đây cho thấy sinh hoạt âm nhạc thời nhà Trần, tuy còn mang nhiều yếu tố chất phác của dân gian, như *đội mo nang cầm dùi làm tửu lệnh*; vua cũng nhảy *múa kiêu người Hồ*... song không hẳn là không mang những nghi thức, nghi lễ cung đình, dáng dấp của thể chế nhạc trên đường và nhạc dưới đường : “*khi yên hội ở điện Tập Hiền, trai tài gái sắc mỗi bên mười người đều ngồi dưới đất...mỗi lần có tiệc lớn, trên điện có nhạc nổi lên, nhạc khí và người ở dưới giải vũ, đều không thể thấy. Mỗi lần chuốc rượu thì lại hô lớn, nhạc cử lên, ở dưới lại giong theo*”...Sử gia còn ghi lại tên của bốn khúc nhạc đó là :

1. Giáng hoàng long
2. Nhập hoàng đô
3. Ân giao trì
4. Nhất thanh phong

Chúng ta còn được biết thêm, bốn khúc nhạc này “*âm điệu đều gần với cổ, nhưng lại êm ái. Nhà Trần cho như thế là văn minh. Khúc ca nhạc đó truyền đi, điệu nào điệu ấy đều có thể chế chứ chẳng phải từ nước Nguyên đem lại*”...¹¹ (Trong sách Lịch sử Âm nhạc dân gian cổ truyền Việt Nam. Viện Nghiên cứu Âm nhạc, 1996, Nhạc sĩ Nguyễn Viêm có chép là : Giáng châu long, Yên dao trì, khác với ĐVSKTB là Giáng hoàng long và Ân giao trì).

Trong An Nam chí lược, Lê Tắc có kể tên năm bài hát sau :

1. Nam Thiên nhạc
2. Ngọc lâu xuân
3. Đạp thanh du
4. Mộng du tiên

⁶ Bình Định : Đề cương giáo trình Lịch sử Âm nhạc Phương Đông. Nhạc viện Hà Nội. 1997

⁷ Bình Định : Tài liệu đã dẫn. Phần Âm nhạc bán đảo Triều Tiên.

⁸ Đại Việt sử ký Toàn thư. Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội-2000. Tập 2, quyển 5, tr. 316

⁹ Đại Việt sử ký tiền biên .Bản dịch của Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Nxb KHXH, 1997, tr. 513.

¹⁰ An Nam chí lược. Nxb Viện Đại học Huế-Ủy ban phiên dịch sử liệu VN, 1961, tr. 47-48

¹¹ Ngô Thì Sĩ : Đại Việt sử ký tiền biên.Viện Nghiên cứu Hán Nôm.Nxb KHXH,1997, tr. 453, 454

5. Canh lậu trường¹²

Chúng tôi lại thấy trong Đại Việt Sử Ký Tiền Biên của Ngô Thì Sĩ có ghi tên 3 bài hát khác, trong một đoạn sử sau đây : “*Xét chế độ nhạc vũ nhà Trần xướng xuất là vài chục người con trai đều cởi trần đóng khố, lượn vòng rồi hát, lúc đi một người giơ tay thì hơn chục người cùng giơ tay, buông tay cũng như vậy. Hát có :*

*Trang Chu mộng điệp,
Bạch Nhạc thiên mẫu biệt tử,
Vi Sinh Ngọc Túc,*

*than thở thời thế thật đau thương”.*¹³

Không rõ 3 bài hát này có liên quan với hệ thống 5 bài mà An nam chí lược đã nêu không ? Nếu có, thì rõ ràng *những bài hát chỉ có tên mà không có nhạc điệu còn lại* dưới thời nhà Trần là 8 bài. Cùng với 4 khúc nhạc đã nêu ở trên, chúng ta đã có một nhạc mục 12 bài, gồm cả bài ca và điệu nhạc.

Một đoạn sử liệu khác cho chúng ta biết có một loại nhạc lễ trong cung đình gọi là *nhạc thái thường*. Tên gọi này chỉ thấy tác giả *Vũ trung tùy bút* đề cập đến mãi dưới thời nhà Lê, nhưng là để gọi một chức quan trông coi về Nhã nhạc : *quan Thái thường*, còn ở thời Trần là một thể loại nhạc lễ. Sử chép đoạn Đỗ Thiên Hư đang ốm nặng nhưng vẫn cố xin theo hầu vua đi đánh giặc :... “*Thần thà chết ở ngoài cửa đình chứ không chịu chết nơi giường đệm. Thượng hoàng khen ngợi ý chí bền cho theo. Vào đến đất của giặc thì mất. Thượng hoàng than thở thương tiếc ban sắc cho dùng nhạc thái thường để cúng tế (khi đó dùng nhạc thái thường) trong việc cúng tế chỉ có quan hành khiển được dùng, còn quan thãm hình chỉ dùng lễ tế chay nội. Thiên Hư được dùng nhạc thái thường có lẽ là ân đặc biệt đấy. Sau Nguyễn Dữ mất cũng cho như vậy.*”¹⁴

Mặc dù không có tư liệu vang, hoặc các ký hiệu về âm thanh, cũng như lời của các bài hát, nhưng ít ra, cũng cho ta thấy một cách khái quát về âm nhạc trong cung đình thời Trần. Đó là có sự định đặt về thể chế, tổ chức dàn nhạc và sự phân định rõ ràng hai thể loại Ca (nhạc có lời) và Nhạc (nhạc không lời).

Xa hơn nữa, thời kỳ nhà Lý, sử sách đã cho biết sự am hiểu và yêu thích âm nhạc của các ông vua, thể hiện trong việc định đặt số hậu phi và cung nữ dưới triều Lý Thái Tông (1028-1054): “*hậu và phi 13 người, ngự nữ 18 người, nhạc kỹ 100 người.*”¹⁵ Đời vua Lý Thần Tông có đội ca múa *Thượng lâm đệ tử*.¹⁶ Đặc biệt là sự say mê nhạc Champa của các vua Lý, như việc *đặt ra khúc nhạc gọi là Chiêm Thành âm*; việc bắt kỹ nữ Chiêm về ca múa khúc Tây Thiên v.v...

Gs Trần Văn Khê từ năm 1940 cũng đã phát hiện một dàn nhạc có 10 nhạc công với 9 nhạc cụ được chạm khắc trên bệ đá của chân cột chùa Vạn Phúc tỉnh Bắc Ninh, mà về sau ông xác định “có thể là dàn nhạc cung đình triều đại Lý”... Vấn đề này, sách *Lịch sử Âm nhạc Việt Nam* của Lê Mạnh Thát¹⁷ căn cứ vào các sử liệu Trung Hoa và sử liệu Phật giáo cho rằng 9 nhạc cụ trên có thể xuất hiện trước thế kỷ thứ V. Tác giả còn đưa ra lý do rất thuyết phục về sự có mặt của chỉ 9 nhạc cụ ở chùa Vạn Phúc, trong khi vào thế kỷ V ở Việt Nam đã có nhạc cụ *đồ kim* và *đồ đá*, mà tiêu biểu là *trống đồng* được ghi lại trong *Hậu Hán thư* và *khánh đá* ghi ở *Ngô chí* cũng như *Giao Châu ký*. Có thể nói thêm, bằng những nguồn sử liệu quý báu, tác giả đã nhận định khác Gs. Trần Văn Khê về lịch sử Âm nhạc Việt Nam từ giai đoạn khởi nguyên đến thế kỷ thứ IX : “...*giai đoạn từ khởi nguyên đến thế kỷ thứ IX, ông (TVK) cho rằng không có một tư liệu nào. Bây giờ cứ những trình bày trên của chúng tôi, ta không thể lặp lại kết luận ấy, bởi vì ta có*

¹² Lê Tắc. Sách đã dẫn

¹³ Đại Việt sử ký tiền biên. Sách đã dẫn, tr. 453.

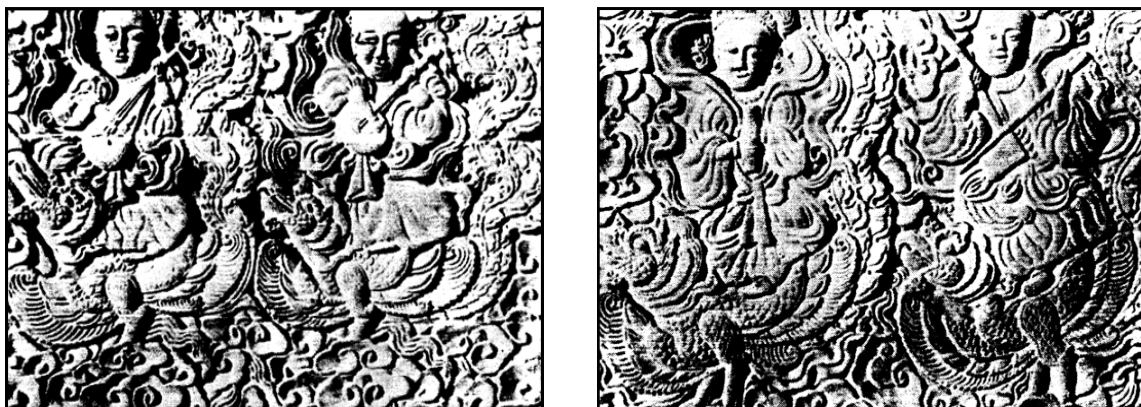
¹⁴ Đại Việt sử ký tiền biên. Sách đã dẫn. Tr. 435.

¹⁵ Trần Trọng Kim : Việt Nam Sử Lược. Nxb Văn Hóa Thông Tin, Hà Nội, 1999 tr.106.

¹⁶ ĐVSK Tiền biên. Tr. 283.

¹⁷ Lịch sử Âm nhạc Việt Nam, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2001 (tái bản bản in năm 1969)

khá nhiều “mẫu tin về âm nhạc” không những trên bệ đá chùa Vạn Phúc, mà còn trong những lá thư của Đạo Cao và những ghi chú của những người khác. Chúng ta biết sự có mặt của ca hát, ngâm vịnh, đọc tụng và tấu nhạc (nhạc bồi) cũng như của những nhạc cụ đồ ống, đồ dây, đồ kim và đồ đá vào thế kỷ thứ 5 tại nước ta”.¹⁸



Các nhạc công và nhạc khí được chạm khắc trên bệ đá chân cột chùa Vạn Phúc

Tuy nhiên, trên phương diện thể chế của Lễ nhạc, Gs. Tô Ngọc Thanh nhận xét : “Nhã nhạc với tư cách một điển chế thì phải đợi đến thời đại nhà Lê (1427-1788) mới hoàn thiện.”¹⁹ Đó là sự kiện vua Lê Thái Tông, vào năm 1437 giao cho Nguyễn Trãi và Lương Đăng chế tạo nhạc cụ dùng trong Triều đình, nhưng sau đó Nguyễn Trãi dâng sớ tâu vua rằng : “Mấy lúc sau này, hạ thần và Lương Đăng có xem xét lại và quy định Nhã nhạc, nhưng ý kiến của thần và Lương Đăng về âm nhạc bất đồng. Thần xin được phép giao lại nhiệm vụ mà bệ hạ đã giao phó cho thần...” Vì thế, Nhã nhạc nhà Lê đều do một tay hoạn quan Lương Đăng phỏng theo quy chế nhạc triều nhà Minh để định đặt, mà hai dàn nhạc tiêu biểu là *Đường thượng chi nhạc* và *Đường hạ chi nhạc*, 8 loại nhạc và 8 loại thanh âm...²⁰ Sự kiện thứ hai dưới thời Lê, theo Phạm Đình Hồ thì khoảng năm Hồng Đức (1470) có các quan đại thần như là ông Thân Nhân Trung, Đỗ Nhuận, Lương Thế Vinh là bậc học vấn bác học...mới kê cứu âm nhạc nước Tàu, hiệp vào quốc âm ta, đặt ra hai bộ : *Đồng văn* và *Nhã nhạc*. Theo Phạm Đình Hồ thì bộ *Đồng văn* thời chuyên tập âm luật; bộ *Nhã nhạc* thời chuyên chuộng nhân thanh...nhã nhạc với tục nhạc không có hỗn tạp với nhau...²¹ Tác giả không bàn gì thêm về âm luật và nhân thanh của hai bộ này. Chỉ biết rằng, *Đến năm Quang Hưng (1578)...bộ Đồng văn và Nhã nhạc, khi nào có lễ tế giao hay lễ triều hạ gì lớn mới dùng đến, cho nên các con cháu nhà nghệ âm nhạc đều thất nghiệp cả...* Theo tác giả, đến thời kỳ này, có nghĩa là trên 100 năm sau, nhạc lễ thời Hồng Đức đã thất truyền đi nhiều, đến nỗi mà *tấu nhạc ở chốn triều miếu, thời chỉ là om xòm loạn bậy, không còn thành ra xoang điệu gì.*²² Đồng văn Nhã nhạc đi đến chỗ suy đồi, dàn nhạc Giáo phường (tục nhạc, đã phục hưng sau hơn 100 năm bị bài xích) thay thế cho Đồng văn và Nhã nhạc, trong cả những tế lễ trọng đại của triều đình như lễ Tế giao, Tế miếu và lễ triều hạ. Gs Trần Văn Khê cho biết, trong Lê triều hội điển, Đồng văn và Nhã nhạc luôn luôn được nhắc chung với nhau như là *một dàn nhạc* vừa có ca sinh...²³

¹⁸ Lê Mạnh Thát, Sách đã dẫn, tr. 296.

¹⁹ Tư liệu Âm nhạc cung đình Việt Nam . Sách đã dẫn, tr. 28.

²⁰ Đại Việt sử ký Toàn thư. Sách đã dẫn, tập 2, quyển 5, các trang 530, 531 và 540, 541

²¹ Bản dịch của Đông Châu, trong bài Tôn cổ lục đăng trên tạp chí Nam Phong số 30/1919, tr. 519.

²² Bản dịch của Đông Châu, tài liệu đã dẫn, tr. 519.

²³ Trần Văn Khê, Sơ lược Âm nhạc truyền thống Việt Nam . Chương III. ĐH Nghệ thuật Huế-1996.

Từ thời Lê mạt, khi uy thế của các chúa Nguyễn ở Đàng Trong đã vững mạnh, họ Nguyễn chính thức thành lập một vương quốc riêng, đối lập với Đàng Ngoài, tách khỏi vua Lê chúa Trịnh.

Thời kỳ các chúa Nguyễn, âm nhạc trong dinh, phủ đã được quan tâm, nhưng cố nhiên không phải là Nhạc Lễ theo đúng nghĩa Nhã nhạc. Có thể, ngoài chức năng giải trí còn được sử dụng trong một số nghi thức, nghi lễ ngoại giao đơn thuần. Nhưng chí ít, cũng phải đến thời chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên nghe theo kế của Đào Duy Từ trả lại sắc phong của vua Lê để chính thức lập ra nhà Chúa Nguyễn năm 1630, bắt đầu sự nghiệp bá vương cho dòng họ này.



Đầu thế kỷ XIX, Nguyễn Ánh lên ngôi hoàng đế, Huế trở thành kinh đô của nước Việt Nam thống nhất, các triều vua Nguyễn mới đây dù tư cách để đặt nhạc lễ chính thức của triều đình. Dưới thời Gia Long (1802 - 1820) sử liệu không cho biết gì nhiều ngoài 2 đội Tiểu nam, Tiểu hầu *chuyên trông coi về nhạc và luyện tập múa hát*, sau đó hợp nhất lại thành Việt tương đội vào năm Gia Long thứ 3 (1804). Còn Nhạc lễ thì mới thấy dưới thời Minh Mạng (1820 - 1840) khi giang sơn xã tắc đã tương đối ổn định thì việc lễ nghi trong triều đình mới được định đặt lại theo thể thức, quy chế chính thống của một nhà nước phong kiến.

Trong khi các đời chúa Nguyễn có tư tưởng *Phật giáo hóa* đất nước, (như muốn làm ngược trái với Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài đang ra sức *Tổng Nho hóa*), thì từ thời Gia Long về sau, các vua Nguyễn lại sử dụng Nho giáo, triệt để *Nho hóa* để củng cố địa vị thống trị của dòng họ. Có thể nói, vua Gia Long và các triều vua sau Gia Long đã đẩy quá trình *Tổng Nho hóa* lên tột đỉnh. Quá trình này bắt đầu từ thời Lý, phát triển mạnh mẽ vào thời Lê, đến vương triều Nguyễn thì hoàn tất.²⁴

Xuất phát từ kinh điển và đạo lý Tống Nho, do vậy, thiết chế văn hóa của nhà Nguyễn, chỉ riêng trong lĩnh vực giáo dục (thi cử, chữ viết...), và nghệ thuật (âm nhạc, mỹ thuật, văn học...), không thể không bị ràng buộc bởi tư tưởng triết học Trung Hoa cổ.

Trong lĩnh vực âm nhạc, chi phối bởi quan điểm mỹ học giáo điều cổ đại Trung Hoa : Lễ là cái trật tự, Nhạc là cái điều hòa; Âm nhạc liên thông với chính sự; nghe nhạc có thể biết được sự thịnh suy của một nước (Thẩm nhạc dĩ tri chính)..Vì vậy, các triều đại phong kiến Việt Nam nói chung và triều Nguyễn nói riêng, đã phải rất coi trọng nhạc lễ cung đình, vì nó là bộ mặt quốc gia, đại diện cho cả một vương triều.

Trong suốt thời kỳ triều Nguyễn trị vì (1802 - 1954), có thể nói, nhạc lễ cung đình đã được phục hưng và phát triển rực rỡ chưa từng thấy trong lịch sử âm nhạc cung đình của các triều đại phong kiến Việt Nam. Mặc dù chỉ là sự tiếp nối, kế thừa âm nhạc cung đình triều Lê, nhưng triều Nguyễn đã hoàn thiện và phát sinh, phát triển thêm nhiều loại thể mới, thể hiện ở sự phong phú của các loại dàn nhạc và bài bản.

Sử liệu cho biết, vua Minh Mạng bàn với Phan Huy Thực, quan Hữu Tham tri bộ Lễ về việc Nhạc lễ : *“Trẫm thấy là buổi đầu gây dựng, lễ nhạc còn thiếu, thường muốn sáng chế mà chưa nắm được cốt yếu... Nay tuy nhạc xưa đã bỏ mất, mà các đồ bát âm còn có thể khảo được. Nên tìm người hiểu âm nhạc, cùng bọn các người chế tác”*.²⁵

Qua đây, chúng ta thấy *nhạc xưa* thì đã *bỏ mất*, còn *các đồ bát âm*, tức là các nhạc cụ trong dàn nhạc lễ cung đình của các triều đại trước, thì cũng chỉ *có thể khảo được* mà thôi. Thế nhưng, tác giả Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trọng Huề lại cho biết : Năm Gia Long thứ 15 (1816), trong

²⁴ Theo Trần Khuê trong bài Một cái nhìn về nhà Nguyễn. Thông báo khoa học số 3, ĐHSP Huế, tr. 35.

²⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn : Đại Nam Thực Lục, Tập 9, tr. 183 - 184.

lễ tấn phong Đông cung Thái tử cho Hoàng tử Đám, là vua Minh Mạng sau này, đã có *nhã nhạc giàn bảy hai bên tả hữu thêm*.²⁶ Như vậy, có gì mâu thuẫn với sử liệu nêu trên không ?

Chúng ta đã biết, từ năm Gia Long nguyên niên (1802), trong cung đã có 2 đội Tiểu nam, Tiểu hầu chuyên trách về nhạc và múa hát cung đình, với một biên chế gồm 2 *Chánh ca trưởng*, 6 *Phó ca trưởng* và 184 người lính.²⁷ Tổ chức âm nhạc này không thể không kế thừa truyền thống nghệ thuật diễn xướng cung đình, đã có nền móng ít ra cũng trên 170 năm, kể từ thời chúa Nguyễn Phúc Nguyên với tổ chức Hòa Thanh thự. Chưa kể, cơ chế của đội Tiểu nam, Tiểu hầu này, có thể là vóc dáng quy chế Nhạc triều của 2 bộ Đồng văn và Nhã nhạc triều Lê... Vậy thì, các tác giả Những đại lễ và vũ khúc của vua chúa Việt Nam nói là đã có *nhã nhạc giàn bảy hai bên tả hữu thêm* trong lễ tấn phong Đông cung Thái tử vào năm Gia Long thứ 15, tưởng cũng không có gì là vô căn cứ, nếu hiểu theo nghĩa Nhã nhạc - dàn nhạc. Còn Nhã nhạc - nhạc lễ, thì thật là mới được định lại dưới thời Minh Mạng như đoạn sử liệu đã nêu trên.

Đến đây, chúng tôi muốn chia sẻ ý kiến : Có một tên gọi Nhã nhạc để chỉ *phần lớn các loại nhạc nghi thức, tế lễ cung đình*. Nhưng cũng vì thế, mà không có nghĩa toàn bộ *nhạc lễ cung đình* đều là Nhã nhạc.²⁸

Một nhà nghiên cứu âm nhạc cung đình người Triều Tiên (Kim Young-bong) có nêu ra ý kiến tương tự tại một cuộc hội thảo về Nhã nhạc ở Huế hồi tháng 4 năm 1997. Chị cho rằng, nghĩa rộng của Nhã nhạc, Gagaku, AhAk (tên gọi thể loại này của 3 nước Việt Nam, Nhật Bản, Triều Tiên) là bao hàm tất cả âm nhạc trong cung đình; còn nghĩa hẹp hơn, Nhã nhạc bao gồm chỉ một số loại nhạc chính thức, gắn với nghi lễ, mà chúng được quyết định bởi cơ cấu, tính chất của dàn nhạc và nhạc cụ.

Chẳng hạn trong Ga Gaku (Nhã nhạc Nhật Bản), chủ yếu là nhạc do 2 dàn nhạc trong cung đình là Kangen (gồm 8 loại nhạc cụ với 16 nhạc công diễn tấu) và Bugaku với 18 nhạc công với cơ cấu tổ chức thành 2 loại : Togaku (Đường nhạc), Bokkaigaku (Cao ly nhạc) cùng với múa...

Trong Ahak (Nhã nhạc Triều Tiên) và Nhã nhạc Việt Nam, Kim Young Bong chỉ nêu ra những loại thể chủ yếu mang tính tương đồng cao trong Nhã nhạc của hai nước như : Triều Tiên, có *Bát âm*, múa có *Bát dật* và 2 dàn *Tung ga*, *Hon ga*; Việt Nam cũng có *Bát âm*, *Bát dật*, và 2 dàn *Đại nhạc*, *Tiểu nhạc*...

Vấn đề này, Gs. Tô Ngọc Thanh cũng đã bàn đến trong công trình Tư liệu Âm nhạc Cung đình Việt Nam, khi đề cập đến tính *tương đồng* và *dị biệt* trong Nhã nhạc Việt Nam, Trung Hoa, Nhật Bản và Triều Tiên. Theo ông, *để phục vụ cho đời sống trong cung đình, còn có một số loại nhạc như Yến nhạc, Nữ nhạc ở Việt Nam; nhạc giải trí như Togaku, Komagaku, các bài hát Imayo ở Nhật Bản v.v... Những loại nhạc này cũng là nhạc cung đình, nhưng không được gọi là Nhã nhạc*...²⁹ Đặc biệt, Giáo sư đã nêu lên những quy định có tính điển chế, chuẩn mực mà Nhã nhạc được thể chế hoá để thực hiện chức năng cơ bản là lễ nhạc và nghi thức.

Một trong những chuẩn mực điển hình là “việc trình diễn Nhã nhạc được giao cho hai loại dàn nhạc có biên chế và cơ cấu nhạc cụ khác nhau như *Đường thượng chi nhạc* và *Đường hạ chi nhạc* ở Trung Hoa và Việt Nam; *Tungga* và *Hon'ga* ở Triều Tiên”. Dàn nhạc với biên chế nhỏ, nhạc cụ chủ yếu là dây, hơi *ngồi* tấu ở trên thềm của cung điện; dàn nhạc biên chế lớn gồm đủ các chủng loại nhạc cụ có âm lượng lớn như tấu lạt, biên chung, biên khánh và đại cổ thì *đứng*³⁰ tấu ở dưới thềm. Ở Việt Nam, bộ sử xưa nhất An nam chí lược đã có ghi lại vấn đề này ngay từ đời Trần qua một ghi chép cuộc đi sứ của Trương Lập Đạo sang An Nam năm 1291:

²⁶ Đỗ Bằng Đoàn, Đỗ Trọng Huê. Sđd tr. 415

²⁷ Đỗ Bằng Đoàn, Đỗ Trọng Huê. Sđd tr. 442

²⁸ Xin hiểu Nhạc lễ cung đình đang nói chỉ là một thể loại của Âm nhạc cung đình theo khái niệm đã nêu.

²⁹ Tô Ngọc Thanh : Tư liệu âm nhạc cung đình Việt Nam . Sách đã dẫn, trang 36.

³⁰ Chữ có gạch chân là do chúng tôi thêm vào để nhấn mạnh.

“Đại nhạc tấu vu điện hạ, tế nhạc tấu vu điện thượng”,³¹ và chắc là cả Nhã nhạc - Đại nhạc - Nhạc Huyền đời Nguyễn, và kể cả Đại nhạc - Tiểu nhạc cuối thời Nguyễn.

Một chuẩn mực khác, theo Gs. Tô Ngọc Thanh, trong các nghi lễ và lễ thức cung đình đều có múa theo những quy định nghiêm ngặt, được gọi là múa Văn, múa Võ ở Trung Hoa, múa Kinh vĩ lang và Chính đồn lang ở Việt Nam, Munmu và Mumu ở Triều Tiên, và có lẽ hai loại múa “Bên Phải” và “Bên Trái” của Nhật Bản cũng có ý nghĩa tương tự...³²

Chúng ta biết rằng, Nhã nhạc của các nước đều tiếp thu từ Trung Hoa. Những cặp từ ngữ bổ sung hoặc đối lập thường sử dụng trong âm nhạc, nhất là âm nhạc cung đình các nước Á châu, đều bắt nguồn từ khái niệm Âm - Dương trong nhạc Trung Hoa. Văn - Võ hay Bắc - Nam, Trống - Mái, Tả - Hữu, Thượng - Hạ...đều mang ý nghĩa là những cặp đối lập. Vì thế, Kinh vĩ lang và Chính đồn lang trong âm nhạc cung đình Việt Nam thời nhà Hồ cũng chỉ là một hình thức của múa Văn - Võ.

Theo Gs.Trần Văn Khê, trong nhạc cung đình ở Việt Nam, Trung Quốc và Triều Tiên ngày xưa đều có hai điệu múa : văn vũ (wen ou) gồm 64 vũ sinh đứng làm 8 hàng 8 người, tay mặt cầm lông trĩ, tay trái cầm ống thước, loại sáo 3 lỗ, và võ vũ (wu ou) gồm có 64 vũ sinh, tay mặt cầm búa, tay trái đeo khiên. Trong điệu múa bugaku (vũ nhạc) có điều văn trong đó vũ sinh mặc áo tay rộng, và điều võ trong đó vũ sinh mặc áo tay hẹp.³³ Dưới triều Nguyễn, điệu múa này được gọi Bát Dật (8 hàng), được chỉnh đốn lại năm Minh Mệnh nguyên niên (1820) để múa trong các cuộc tế lễ lớn như Tế giao, Tế miếu v.v...

Ở Nhật Bản, điệu múa Bên Phải - Bên Trái gọi là Bugaku được chia làm 2 bộ phận, nhưng không sử dụng cặp từ ngữ Văn-Võ, Thượng-Hạ, mà là Tả (Shaho) và Hữu (Uho) như : Tả phương Đường nhạc và Hữu phương Cao Ly nhạc.³⁴ Cũng theo Gs. Trần Văn Khê : nhạc bên trái là những bản nhạc có gốc Trung quốc hay là Ấn Độ và gọi chúng là *Togaku* (Đường nhạc hay nhạc đời Đường) ; nhạc bên mặt là nhạc gốc Triều Tiên và cũng gọi là *Komagaku* (Cao Ly nhạc).³⁵

Như đã đề cập, ở Việt Nam chúng ta, triều Nguyễn đã ra sức củng cố địa vị của Nho giáo trong đời sống tư tưởng văn hóa. Vì thế, hệ tư tưởng của nó là nền tảng cho mọi thiết chế nhà nước phong kiến, và đó cũng chính là môi trường kích hoạt sự phát triển của Nhạc lễ, cũng như Âm nhạc cung đình nói chung.

Nhạc lễ cung đình thời kỳ này đã phát triển rất đa dạng với các hệ thống dàn nhạc, loại nhạc nhằm đáp ứng việc phục vụ cho các nghi thức, tế lễ phong phú nhưng cũng rất mực cầu kỳ của triều đình. Có thể, vì thế mà tên gọi Nhã nhạc không còn dùng để chỉ chung cho các loại nhạc lễ cung đình như các triều đại trước. Khái niệm Nhã nhạc đã trở nên quá chật hẹp để có thể chứa đựng tất cả các loại hình nghệ thuật trong cung đình thời kỳ này, nhất là dưới thời Minh Mạng, Tự Đức.

Chúng ta biết, nhạc lễ triều Nguyễn không chỉ là Đại nhạc - Tiểu nhạc như thời đại nhà Trần, cũng không chỉ như Đường thượng chi nhạc - Đường hạ chi nhạc và Đồng văn - Nhã nhạc các triều đại nhà Lê...mà là cả một hệ thống dàn nhạc, loại nhạc nghi lễ trong cấu trúc tổng thể Âm nhạc cung đình. Vì vậy, Nhã nhạc thường chỉ để gọi một bộ phận của hệ thống các loại dàn nhạc lễ có mặt trong cung đình thời kỳ này, như : Đại nhạc, Tiểu nhạc, Nhã nhạc, Nhạc Huyền, Tế nhạc, Ty chung, Ty khánh v.v...³⁶ Những loại dàn nhạc này có sự quy định chức năng, vị trí trong trình thức diễn tấu ở mỗi cuộc lễ, mỗi bản bản khác nhau... Cùng với hệ thống dàn nhạc, là

³¹ Lê Tác. Sách đã dẫn, tr. 73

³² Tô Ngọc Thanh, Sách đã dẫn, tr. 37.

³³ Trần Văn Khê : Thử tìm vài nguyên tắc trong cách tạo từ ngữ về âm nhạc trong các nước Á châu. Tập san Khoa Học Xã Hội (của Việt kiều ở Pháp) số 4, tháng 4/1978. Tr. 78.

³⁴ Bình Định. Tài liệu đã dẫn và Văn Minh Hương trong Gagaku và Nhã nhạc, Nxb TN, 2003

³⁵ Trần Văn Khê. Tài liệu đã dẫn, tr. 79.

³⁶ Xem thêm : Bùi Ngọc Phúc. Các loại dàn nhạc cung đình triều Nguyễn. NCKHCN cấp Cơ sở, ĐHNT Huế-2006

hệ thống các loại nhạc mang tính thể loại đặc thù được phân định theo tính chất của nghi thức và tế lễ triều đình, mà ở đó, là nơi tập hợp đầy đủ các loại hình nghệ thuật trình diễn mang tính sân khấu hóa, bao gồm các ca chương, các vũ điệu và dàn nhạc luân phiên trình tấu và diễn xướng cũng theo trình thức mà mỗi nghi lễ cụ thể quy định...

Tuy nhiên, khi so sánh, đối chiếu biên chế các loại dàn nhạc của các thời đại, qua một số tư liệu lịch sử và các khảo cứu về Âm nhạc cung đình Việt Nam đã công bố, chúng tôi nhận thấy : Cho dù Nhạc lễ cung đình triều Nguyễn phát triển phong phú và đa dạng, hoàn chỉnh và quy mô hơn với các hình thức tổ chức dàn nhạc, bài bản v.v...Nhưng nhìn chung, cốt lõi của chúng (*toàn bộ phần nhạc Lễ : dàn nhạc(Đại nhạc, Tiểu nhạc, Huyền nhạc) - Ca chương - múa Bát dật*) vẫn là thể chế của Nhã nhạc (tiếp thu từ Trung Hoa) đã có từ thời Trần, Lê. Thể chế đó, như đã trình bày ở trên, được biểu hiện bằng những chuẩn mực chung, mà giữa các nước có Nhã nhạc đều có sự tương đồng...

Từ đầu triều Nguyễn, Khổng giáo là nguồn nuôi dưỡng trí tuệ và quy phạm đạo đức cho xã hội... “ Nhưng từ nửa sau thế kỷ XIX, trước cuộc đụng độ đột ngột giữa Việt Nam và Pháp, Khổng giáo đã không còn giữ được chức năng tinh thần trước kia của nó. Sự giảm thiểu hiệu năng tinh thần của Khổng giáo là nguyên nhân trực tiếp đưa đến sự khủng hoảng tư tưởng ở Việt Nam.”³⁷ Vì vậy, văn hóa cung đình, trong đó có Âm nhạc cung đình lâm vào tình trạng suy thoái. Các nghi thức tế lễ được giản lược, Nhạc lễ cùng chung số phận, mà đến giai đoạn cuối triều Nguyễn thì các dàn nhạc và bài bản chỉ còn lại rất ít. Việc sử dụng âm nhạc trong các dịp lễ lượt cũng rất tùy tiện, không phân định rạch ròi như xưa. Nhạc cung đình lan tỏa vào dân gian qua các nhạc công cung đình, nhưng dân gian cũng chỉ tiếp nhận và lưu giữ một số ít những bài bản, nhạc cụ phù hợp với cơ chế sinh hoạt dân gian.

Đến đây chúng tôi muốn khép lại bài viết này bằng một vài ý kiến về vấn đề bảo tồn và đào tạo Nhã nhạc - một kiệt tác di sản văn hóa phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại đã được UNESCO công nhận vào tháng 11 năm 2003.

Trường Đại học Nghệ thuật Huế và trường Văn hóa Nghệ thuật Thừa Thiên Huế đã có nhiều năm đào tạo Nhã nhạc theo hệ đào tạo chính quy bậc đại học và trung học, nhưng xem ra cũng chỉ giới hạn trong một số bài bản, nhạc khí của *Đại nhạc, Tiểu nhạc*, là thiết chế *cổ xúy* và *ty trúc*, còn *chung, khánh* và *ca chương* thì hầu như hoàn toàn không được đề cập, đó là chưa kể múa *Bát dật*. Việc đào tạo như thế chưa thể gọi là Nhã nhạc theo đúng thể chế của nó, mà mới chỉ là một mảng của nhạc lễ và cũng không khác gì hơn dàn *nhạc lễ dân gian* thường diễn tấu trong các cuộc lễ Thành hoàng ở làng xã Thừa Thiên Huế.

Bảo tồn, kế thừa và phát huy, không phải chỉ là dàn Nhã nhạc theo hệ thống tiểu nhạc (theo quan điểm của chúng tôi), mà ít nhất là phải phục hồi và bảo tồn cái thể chế của Nhã nhạc, theo đó các loại nhạc khí, dù là những nhạc khí đã thất truyền không còn người sử dụng được như biên khánh, biên chung, chúc, ngữ, huân...vẫn phải phục chế lại, (trước mắt để trưng bày chuyên biệt như một nhà bảo tàng Nhã nhạc, với đầy đủ các chủng loại nhạc khí thuộc thiết chế Nhã nhạc cung đình triều Nguyễn, và sau nữa là để phục vụ nghi thức trong việc phục dựng lễ Tế giao, dù chỉ *trưng bày mà không đánh* như sử sách đã nêu); hệ thống bài bản âm nhạc của các ca chương trong Tế giao, Tế miếu cũng như các điệu múa thuộc cơ chế nhạc lễ hoặc liên quan đến Nhã nhạc...tránh tình trạng làm què quặt và nghèo nàn di sản văn hóa quý giá của dân tộc. Một điều khác, sử sách cho biết đã từng tồn tại một dàn Nữ nhạc với đầy đủ cả hình ảnh...nên chẳng phục hồi lại tổ chức dàn nhạc này, ít nhất là thể hiện được tính đặc trưng của nhã nhạc Việt Nam so với Nhật Bản, Hàn quốc và rất có thể, sẽ thu hút được nhiều khách du lịch đến với Nhã nhạc. Vấn đề này, hơn ai hết, đơn vị có điều kiện và chức trách là Nhà hát Ca múa nhạc Cung đình thuộc Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế.

³⁷ Hồ Song : Sự khủng hoảng tư tưởng ở Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX. Thông báo Khoa học (sdd).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- An Nam Chí lược.** Quyển thủ. Nxb Viện Đại học Huế, 1961
- Đại Việt sử ký toàn thư.** Tập 1,2,3, Nxb Văn Hoá - Thông tin, 2000
- Đại Việt sử ký tiền biên.** Nxb Khoa Học Xã Hội - Viện Hán Nôm, 1997
- Khâm định Đại Nam hội điển sử lệ.** Quyển 96-99. Nxb Thuận Hoá, 1996
- Những người bạn Cố đô Huế (BAVH).** Tập 1-6, Nxb Thuận Hoá, 1998
- Triều Nguyễn, những vấn đề lịch sử, tư tưởng và Văn hóa.** Thông báo Khoa học số 1,2, Chương trình nghiên cứu Triều Nguyễn. Trường ĐHSPT Huế.
- Huế court music.** Kỷ yếu hội thảo quốc tế về Nhã nhạc triều Nguyễn. Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế, 2004
- Trần Trọng Kim. **Việt Nam sử lược** . Nxb Văn Hoá- Thông tin, 1999
- Nguyễn Sĩ Giác. **Đại Nam điển lệ toát yếu.** Nxb Tp Hồ Chí Minh, 1993
- Lê Văn Siêu. **Việt Nam Văn minh sử.** Tập thượng. Nxb Lao Động, 2003
- E. Le Bris. **Musique Annamite airs traditionnels.** Extraï du BAVH, Octobre - Novembre, 1922.
- Lê Quý Đôn. **Phủ biên tạp lục.** Nxb Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn Hoá. SG-1972
- Lê Quý Đôn. **Vân đài loại ngữ.** Nxb Văn Hoá- Thông tin, 1995
- Đào Duy Anh. **Việt Nam Văn hoá sử cương.** Nxb Đồng Tháp, 1998
- Thái Văn Kiểm. **Cố Đô Huế.** Nxb Đà Nẵng, 1994
- Đỗ Bằng Đoàn, Đỗ Trọng Huề. **Những Đại lễ và Vũ khúc của vua chúa Việt Nam.** Nxb Hoa Lư. Sài Gòn, 1968
- Trần Văn Khê. **Sơ lược Âm nhạc truyền thống Việt Nam.** ĐH Nghệ thuật Huế 1996
- Nguyễn Thụy Loan. **Lược sử âm nhạc Việt Nam.** Nxb Âm nhạc ,1993
- Nguyễn Bình Định. **Âm nhạc Phương Đông.** Giáo trình. Nhạc viện Hà Nội
- Phạm Duy. **Đặc khảo dân nhạc ở Việt Nam.** Nxb Lá Bối, SG, 1972
- Nguyễn Viêm. **Lịch sử Âm nhạc cổ truyền,** Nxb Viện Nghiên cứu AN, 1996
- Dương Quang Thiện. **Sử liệu Âm nhạc Việt Nam** . Nxb Viện Âm nhạc 1995
- Dương Bích Hà. **Lý Huế.** Nxb Âm nhạc - Viên Âm nhạc 1997
- Nguyễn Mạnh Thát. **Lịch sử Âm nhạc Việt Nam** . Nxb Tp HCM, 2001
- Trần Kiều Lại Thủy. **Âm nhạc cung đình triều Nguyễn.** Nxb Thuận Hoá, 1997
- Tô Ngọc Thanh. **Tư liệu Âm nhạc cung đình Việt Nam.** Nxb Âm nhạc 1999
- Kiều Kiến Trung (*chủ biên*). **Âm nhạc Trung Quốc.** Nxb Thế Giới, HN, 2002
- Văn Minh Hương. **Gagaku và Nhã nhạc.** Nxb Thanh Niên. 2003
- Thân Văn. **Các phương thức hòa nhạc cung đình Huế.** Nxb Thuận Hóa, 2005
- Nguyễn Đình Sáng. **Khảo sát Nhạc lễ cung đình Huế.** Luận văn ĐH, Trường ĐHNT, 1999
- Phan Thuận Thảo. **Các loại hình nghệ thuật biểu diễn cung đình Huế.** Luận văn ĐH, Trường ĐH Nghệ thuật Huế, 2001

The continuation and development of *Nha nhac* in Nguyen Dynasty

Vĩnh Phúc, M.A
Hue Academy of music

SUMMARY

Nha nhac in Nguyen Dynasty was a continuation and development from traditional Vietnamese *Nha nhac*. Although Nguyen Dynasty's Royal music was abundant, diversified, completed with several kinds of orchestras, it was not exactly the *Nha nhac* for ritual institution and Royal ceremonies.

Nha nhac was just a part of Ritual Music that was used at ceremonies of court rites, "*Te giao*" (the worship to heaven by the King), "*Te mieu*" including institutions: Orchestras (*Dai nhac*, *Tieu nhac*, *Nhac huyen*) - *Ca chuong* - *Bat Dat* dance. They were also the institutions of the two orchestras: one with big volume including oboe and percussion instruments, the other with softer volume including string instruments called "*Co xuy*" and "*Ty truc*". They were standard ones inherited from traditional Chinese *Nha nhac* that dated in Vietnam from the age of Tran, Le ... and had the similarities amongst countries having *Nha nhac* such as Japan and Korea.